

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 27- 11- 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Trung Dũng

Thẩm phán: ông Phạm Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Văn Lợi

bà Trần Thị Đàm

bà Bùi Huyền Trang

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: ông Hà Đình Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đình K**; tên gọi khác: S, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1973 tại xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái; Đăng ký NKTT: thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái; cư trú tại: tổ dân phố số 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình A (đã chết) và bà Tạ Thị V sinh năm 1938; vợ đã ly hôn là Lê Thị H sinh năm 1978 và có 02 con (Con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003); tiền sự, tiền án: không; bị bắt, tạm giam ngày 22-7-2019, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Hòa B- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư QV, Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Người bị hại: Hoàng Phương N sinh năm 1973; trú tại: tổ dân phố số 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; chết ngày 21-7-2019.

- Đại diện hợp pháp của người bị hại: bà Nguyễn Thị C sinh năm 1947; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C:* là bà Hoàng Thị Thu D sinh năm 1973; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái, có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1) Lê Thị H sinh năm 1978; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2) Hồ A Ch sinh năm 1996; trú tại: thôn TK, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

3) Lương Thị H1 sinh năm 1953; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

4) Vi Thị Đ sinh năm 1964; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

5) Hoàng Quốc V1 sinh năm 1987; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

6) Hà Đình K1 sinh năm 2003; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

7) Nguyễn Sơn H2 sinh năm 2003; trú tại: tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

8) Đồng Thị Th sinh năm 1979; trú tại: thôn E, xã HL, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

9) Lò Thị L sinh năm 1977; trú tại: thôn F, xã HL, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

10) Giàng A M1 sinh năm 1990; trú tại: thôn KL, xã BM, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

11) Giàng A C2 sinh năm 1988; trú tại: thôn KL, xã BM, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

12) Giàng A S1 sinh năm 1977; trú tại: thôn KL, xã BM, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

13) Hoàng Thị O sinh năm 1968; trú tại: thôn F, xã HL, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* ông Giàng A Kh - Cán bộ Ban Dân vận Tỉnh Ủy Yên Bái; có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Thái:* bà Hà Kim G - Cán bộ Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ AN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Trần Đình K ly hôn vợ là Lê Thị H theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 152/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái. Sau khi ly hôn, chị H thuê Ki ốt bán hàng tại Chợ Gia súc thuộc tổ Dân phố số 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Trong thời gian này, anh Hoàng Phương N thường xuyên đến phụ giúp chị H bán hàng. Trần Đình K thấy vậy nên đã nảy sinh bức tức. Ngày 21-7-2019, khi thấy anh N đang ngồi nhặt rau trong Ki ốt của chị H, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21B1-748.68 dừng phía trước cửa ki ốt, K mở khóa yên xe mô tô, lấy 01 dao nhọn bằng kim loại, rồi đi đến chỗ anh N đang ngồi. K dùng tay phải cầm dao đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng bụng anh N. Anh N vùng đứng lên bỏ chạy ra phía cửa sau Ki ốt, thì K cầm dao đuổi theo, vừa đuổi vừa đâm liên tiếp nhiều nhát vào người anh N. Khi anh N chạy vào khu vực giữa các gian hàng bán rau, thì K đuổi kịp và tiếp tục dùng dao nhọn đâm nhiều nhát vào cơ thể anh N. Sau đó, K cầm dao đi về Ki ốt bán phở của mình tại Chợ thị trấn Y, K để lại con dao lên giá để hàng trong Ki ốt, rồi lẩn trốn tại khu nuôi nhốt gia súc trong khu vực chợ. Đến 22 giờ cùng ngày thì K bị phát hiện và đưa đến Công an huyện Y. Còn anh Hoàng Phương N được đưa đến cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Y nhưng đã tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 23/GDPY ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: về nguyên nhân chết của Hoàng Phương N như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Trên cơ thể có nhiều vết thương rách da, cơ vùng cổ, ngực, lưng bên phải, hai tay, chân phải; Vết thương thấy bụng hạ sườn phải làm rách gan, thủng dạ dày. Trong ổ bụng có nhiều máu.

- Nguyên nhân chết: Sốc mất máu cấp không hồi phục do vết thương thấu bụng làm rách gan, thủng dạ dày; đa vết thương phần mềm.

- Cơ chế hình thành vết thương tích: Vết thương vùng ngực, bụng, hai tay, chân phải, lưng bên phải do vật sắc nhọn tác động một lực mạnh làm đứt da, cơ, thấu bụng làm rách gan, thủng dạ dày.

Tại bản Kết luận giám định số 4253/C09-TT3 ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Con dao thu tại chỗ ở Trần Đình K gửi giám định có bám dính máu của Hoàng Phương N.

Bản Cáo trạng số: 46/CT-VKS-P2 ngày 28 tháng 10 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố Trần Đình K về tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đình K khai nhận: mặc dù đã li hôn vợ là chị Lê Thị H, nhưng khi thấy anh Hoàng Phương N thường xuyên đến phụ giúp chị H bán hàng thì bị cáo ghen tức và nảy sinh ý định giết anh N. Ngày 21-7-2019, bị cáo đã dùng dao nhọn đâm nhiều nhát vào cơ thể anh N khiến anh N tử vong. Bị cáo xác định trách nhiệm của mình về bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ người bị hại) đề nghị xét xử bị cáo Trần Đình K với mức án nghiêm khắc; đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường các khoản sau:

- Bồi thường tổn thất về tinh thần với mức 100 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử.

- Chi phí mai táng: 71.600.000 đồng;

- Chi phí hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị C kể từ khi anh N bị giết đến khi bà C mất, mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội tại phiên tòa và giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Đình K phạm tội “Giết người”.

- Đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình K từ 18 năm đến 20 năm tù.

- Đề nghị áp dụng Điều 591 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Đình K phải bồi thường cho gia đình người bị hại Hoàng Phương N theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng và tài sản bị thu giữ theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo ly hôn vợ, nhưng vẫn muốn được đoàn tụ với vợ, con; việc thực hiện hành vi phạm tội trong tình trạng tinh thần bị ức chế vì thấy anh Hoàng Phương N thường xuyên đến giúp vợ cũ của mình. Mặt khác, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo trình độ học vấn thấp, để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 17 năm đến 18 năm tù.

Bị cáo Trần Đình K không có ý kiến bào chữa bổ sung và cũng không có ý kiến tranh luận gì. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo trình bày ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Trần Đình K tại phiên toà phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi, Kết luận giám định pháp y về tử thi và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; được minh chứng bằng con dao nhọn thu giữ trong vụ án. Từ đó đủ cơ sở kết luận: do ghen tức vì nghi ngờ anh Hoàng Phương N có tình cảm với vợ đã ly hôn của mình là Lê Thị H, nên khoảng 18 giờ ngày 21-7-2019, bị cáo Trần Đình K nhìn thấy anh N đang ở Ki ốt bán hàng của chị H đã nảy sinh ý định giết chết anh N. Bị cáo K đã dùng dao nhọn đâm nhiều nhát vào cơ thể anh N, gây ra các vết thương vùng ngực, bụng, hai tay, chân phải, lưng bên phải làm đứt da, cơ, thấu bụng làm rách gan, thủng dạ dày; khiến anh N chết do sốc mất máu cấp không hồi phục do vết thương thấu bụng làm rách gan, thủng dạ dày; đa vết thương phần mềm. Hành vi giết anh Hoàng Phương N mà bị cáo thực hiện chỉ vì sự ghen tức vô cớ, thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác. Hành vi đó của bị cáo Trần Đình K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, với tình tiết tăng nặng định khung “Có tính chất côn đồ”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo quy định điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là chính xác, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được sống, là quyền cơ bản, quan trọng nhất của con người và được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì sự ghen tức một cách phi lý đối với mối quan hệ bình thường, chính đáng giữa anh N với vợ đã ly hôn của bị cáo, mà bị cáo dùng dao nhọn đâm chết anh Hoàng Phương N ngay tại khu vực chợ đông người, là trung tâm thị trấn Y. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây đau thương, mất mát lớn cho gia đình người bị hại, mà còn gây phần nộ trong dư luận quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, nên cần thiết phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân của bị cáo là người có trình độ học vấn thấp, chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo K đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo dùng dao nhọn đâm nhiều nhát vào cơ thể anh N, khi anh N bỏ chạy, bị cáo tiếp tục đuổi theo đâm cho đến khi anh N gục xuống. Điều đó thể hiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách hung hãn cao độ, quyết liệt, nhằm đạt được mục đích là tước đoạt sinh mạng của anh N. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “có ý thực hiện tội phạm đến cùng” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị

cáo Trần Đình K với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội không thời hạn mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu đòi bồi thường của Đại diện hợp pháp của người bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Yêu cầu về bồi thường chi phí mai táng là 71.600.000 đồng, có bảng kê và hợp đồng hỏa táng là phù hợp thực tế, được chấp nhận.

- Yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần đối với mẹ đẻ người bị hại được chấp nhận với mức 60 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là: $60 \text{ tháng} \times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} = 89.400.000 \text{ đồng}$.

- Đối với yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng thì Hội đồng xét xử chỉ xem xét khoản tiền cấp dưỡng cho cha, mẹ là người không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình mà con là người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Trong vụ án này, mẹ đẻ của người bị hại là bà Nguyễn Thị C là cán bộ về hưu được hưởng lương hưu, nên yêu cầu này không được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Đình K phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị C số tiền tổng cộng là: 161.000.000 đồng.

[7] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng trong vụ án:

- Đối với vật chứng con dao nhọn, có vỏ bao được bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

- Vật chứng là quần, áo, dép thu giữ trong vụ án và hộp bìa các tông dùng để niêm phong vật chứng, xét không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Đình K được trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 21B1-748.68; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA và sạc điện thoại là tài sản của bị cáo Trần Đình K nên được trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho nghĩa vụ bồi thường.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Đình K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình K (tên gọi khác: S) phạm tội “Giết người”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Đình K tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 22 tháng 7 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Trần Đình K phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị C số tiền 161.000.000đ (Một trăm sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép tông màu đen; 01 đôi dép tổ ong màu vàng có dính vết màu nâu đỏ; 01 áo phông màu trắng bị rách thủng nhiều chỗ, dính nhiều máu; 01 chiếc quần vải màu đen bị rách thủng nhiều chỗ; 01 áo phông vải màu xám có sọc ngang màu xanh, màu đỏ, có dính nhiều dấu vết màu nâu; 01 quần vải màu vàng, loại quần ngắn có dính nhiều dấu vết màu nâu; 01 hộp bìa các tông bên ngoài dán giấy trắng dùng để niêm phong mắt Camera được thu giữ khi khám nghiệm hiện trường, đã mở niêm phong.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn bằng kim loại, chuôi dài 9,2cm bằng gỗ, chuôi dao có quấn vòng kim loại, lưỡi dao dài 19cm, bản chỗ rộng nhất là 2,5cm; 01 bao vỏ dao dài 21cm bằng gỗ màu vàng, trên bao dao có buộc dây nhựa màu đỏ, chỗ rộng nhất là 3,2cm; 01 hộp bìa các tông đã mở niêm phong khi tiến hành giám định. Cả 03 đồ vật này hiện được niêm phong bằng cách dán kín bằng giấy màu nâu, tại các mép dán có chữ ký và tên của Lê Thu I, Vũ Bắc P và có dấu tròn đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, có ghi “Con dao hoàn trả sau giám định trong vụ án giết người xảy ra ngày 21/7/2019 tại TT Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái”.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đình K 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Trần Đình K.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đình K nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động NOKIA màu đen và 01 sạc điện thoại đã qua sử dụng, được niêm phong trong túi niêm phong do Viện Kỹ thuật hóa sinh và tài liệu nghiệp vụ- Bộ Công an sản xuất; 01 xe mô tô biển kiểm soát 21B1- 748.68, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu sơn đỏ, đen, bạc, số máy: JA39E0424884, số khung: 3901HY449786, xe cũ đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện được bảo quản tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30-10-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Trần Đình K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.050.000đ (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GĐKT 1- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Công an tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái ;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo (Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- Đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Lưu: HS(2), TA, tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng

